

20. Đức phong hoa vũ (德風華雨: Gió đức mưa hoa)

Gió viên minh trọn đủ đức nên gọi là “*đức phong*”; hoa màu nhiệm pháp phối rơi xuống như mưa nên gọi là “*hoa vũ*”. Hoa, gió, hương, ánh sáng nơi cõi Phật ấy đều cùng làm Phật sự tự nhiên tăng thượng chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh kinh:

其佛國土，每於食時，自然德風徐起，吹諸羅網，及眾寶樹，出微妙音，演說苦、空、無常、無我，諸波羅密，流布萬種溫雅德香。其有聞者，塵勞垢習，自然不起。風觸其身，安和調適，猶如比丘得滅盡定。

Kỳ Phật quốc độ, mỗi ư thực thời, tự nhiên đức phong từ khởi, xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ, xuất vi diệu âm, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, chư Ba La Mật. Lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương. Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi. Phong xúc kỳ thân, an hòa điều thích, do như tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định.

Cõi nước Phật ấy mỗi lúc đến giờ ăn, tự nhiên gió đức nhẹ nhàng nổi lên thổi qua các lưới báu và các cây báu khiến vang ra âm thanh màu nhiệm diễn nói Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật, lan tỏa vạn thứ đức hương ôn nhã. Ai ngửi mùi hương ấy thì trần lao, cấu nhiễm, tập khí tự nhiên chẳng khởi. Gió chạm vào thân liền an hòa, điều thích, khác nào tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định.

Giải:

Phẩm kinh này trần thuật công đức trang nghiêm của gió đức và mưa hoa cõi Cực Lạc; riêng đoạn này nói về gió, đoạn kế sẽ nói về mưa.

Chữ “*đức phong*” (德風) trích từ bản Ngụy dịch trong Cao Ly Đại Tạng kinh (bản Ngụy dịch trong Càn Long Đại Tạng kinh ghi là “*đắc phong*” (得風). Đức chính là điều đạt được từ Công, xin xem lại lời giải thích về chữ “*công đức*” ở quyển hai, nên “*đức phong*” và “*đắc phong*” mang cùng một ý nghĩa).

Bản Ngô dịch ghi: “*Diệc phi thể gian chi phong, diệc phi thiên thượng chi phong. Đô bát phương thượng hạ, chúng phong trung tinh, tự nhiên hợp hội hóa sanh nhĩ. Bất hàn, bất nhiệt, thường hòa điều trung, thích thậm thanh lương, hảo vô tử dã*” (Chẳng phải là gió trong thể gian, cũng chẳng phải là gió cõi trời mà là những gì tinh diệu nhất của các thứ gió trong cả tám phương và phương trên, phương dưới tự nhiên hợp hội lại hóa thành gió: chẳng lạnh, chẳng nóng, thường điều hòa, thích hợp, rất mát mẻ, không gì khoan khoái bằng).

Câu “*chúng phong trung tinh*” (những gì tinh diệu nhất trong các thứ gió) phải hiểu như kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “*Như Lai Tạng trung, tánh phong chân không, tánh không chân phong, thanh tịnh bốn nhiên, châu biến pháp giới*” (Trong Như Lai Tạng, tánh phong là Chân Không, tánh Không là chân phong, vốn sẵn thanh tịnh, trọn khắp pháp giới). Nghĩa là: Đó là thứ gió chân thật từ trong tánh đức nên bảo là “*chúng phong trung tinh*”.

Quán kinh cũng dạy: “*Bát chủng thanh phong, tùng quang minh xuất*” (Tám thứ thanh phong từ quang minh mà ra). Những ngọn gió cực thanh tịnh từ tám phương nói trong bản Ngô dịch thật phù hợp với tám thứ thanh phong nói trong Quán kinh. Nói chung, ngọn gió thanh lương trong cõi kia chính là “*chúng phong trung tinh*” (những gì tinh diệu nhất của các thứ gió), “*tùng quang minh xuất*” (phát xuất từ quang minh) nên gọi là đức phong.

Đức phong như vậy “*tự nhiên từ khởi*”. Sách Hội Sớ giảng: “*Từ khởi, bất trì, bất sử, thích đắc kỳ trung, nguyện lực linh lại, tánh bất tạo tác, cố vân tự nhiên*” (Nhè nhẹ nổi lên là chẳng chậm, chẳng nhanh, chỉ vừa phải. Gió nổi là do công dụng tự nhiên của nguyện lực, chẳng do tạo tác nên bảo là tự nhiên - Chữ Lại (籟) chỉ hết thảy các thứ nhạc cụ có lỗ [bên trong] có lưỡi gà rung. Lại như Trung Hoa Đại Từ Điển giảng: “*Tác phẩm Tề Vật Luận của Trang Tử có câu: ‘Nhân lại tắc tử trúc, địa lại tắc chúng khiêu, thiên lại tắc nhân tâm tự động, thị dĩ*” (Con người rung động thì biểu hiện qua trúc. Đất rung động thì lòng người rung động, đấy là phải lẽ) Cho nên biết câu “nguyện lực linh lại” chính là nhằm diễn đạt ý tưởng công dụng tự nhiên nơi bốn nguyện tâm lực của Phật Di Đà vậy).

Tiếp theo đây, kinh giảng rõ về đức phong. Trước hết kinh nói đến gió khua động các âm thanh màu nhiệm. Gió đức nè nhẹ thổi qua

cây báu, lưới báu khiến chúng vang ra những pháp âm vi diệu như Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật...

“*Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã*” chính là bốn tướng của Khổ Đế trong Tứ Đế. Trong các bản dịch theo lối Tân dịch, bốn tướng này được dịch là “*phi thường, khổ, không, phi ngã*”. Câu Xá Luận, quyển hai mươi sáu giảng: “*Phụ thuộc vào duyên nên Vô Thường, tánh nó bức bách nên là Khổ, trái nghịch với cái được ta thấy nên là Không; trái nghịch với cái thấy của ta nên là Vô Ngã*”.

Hơn nữa, cái gì bức bách thì gọi là “*khổ*”. Pháp khổ chuyển dời nên gọi là “*vô thường*”. Hơn nữa, các tướng như nam, nữ, giống, khác... đều là hư vọng chẳng thật nên bảo là “*không*”. Tổng hợp các cách giải thích trên thì “*bức não*” là:

- Khổ: Pháp Khổ chuyển biến và phải nhờ các duyên để hiển hiện nên là Vô Thường.

- Thấy có các tướng: nam, nữ, một, khác... nhưng thật sự chẳng có nên là Không.

- Đã trái nghịch với cái ta thấy biết thì đương nhiên ta chẳng phải là chủ thể nên bảo là Vô Ngã.

Chữ “*Ba La Mật*” xin xem lại lời giải thích ở phần trước.

Trong cõi Cực Lạc, tiếng nước lẫn tiếng gió đều có khả năng diễn nói diệu pháp. Vãng Sanh Luận có bài kệ như sau: “*Phạm thanh ngộ thâm viễn, vi diệu văn thập phương*” (Phạm thanh ngộ xa thẳm, vi diệu rền mười phương). Sách Luận Chú giải thích chữ “*vi diệu*” như sau: “*Xuất hữu nhưng lại là có, nên bảo là vi*”. “*Xuất hữu*” nghĩa là đã vượt khỏi tam hữu (tam giới).

Sách Luận Chú giảng tiếp: “*Do vô dục nên chẳng phải là Dục giới; do ở trên đất nên chẳng phải là Sắc giới; do có sắc nên chẳng phải là Vô Sắc giới*”. Tịnh Độ chẳng thuộc vào tam giới, vượt ngoài ba cõi nên bảo là “*xuất hữu*”; nhưng Tịnh Độ lại là có, vì nó nương vào Nhất Thừa nguyện hải nên hiện hữu. Là nhị biên, vượt tứ cú, xuất hữu mà lại hiện hữu, nên bảo là “*vi*” (vi diệu).

Sách giảng tiếp: “*Danh có khả năng khai ngộ nên bảo là diệu*”. Danh là một trong năm pháp; hết thấy vạn vật đều có danh, có tướng. Cái gì tai nghe được thì gọi là “*danh*” (名); cái gì mắt thấy được thì gọi là “*tướng*” (相). Nghe cái danh của vật thể thì trong tâm ắt liên tưởng

đến cái tướng của nó. Cây báu thuyết pháp cũng phải dùng đến danh và cú (句: câu). Do danh có khả năng làm cho người nghe khai ngộ nên gọi là “*diệu*”. Pháp âm vi diệu như vậy nên có thể khiến cho người nghe được giải ngộ sâu xa.

Tiếp đó, kinh nói đức phong còn lan tỏa mùi hương màu nhiệm: “*Ôn nhã đức hương*”. “*Ôn*” (溫) là hòa hoãn, tốt lành. “*Nhã*” (雅) là đoan chánh. “*Đức hương*” (德香) là hương có đủ vạn đức. Sách Hội Sớ nói: “*Ôn là ôn hòa, Nhã là nhã chánh. Mùi hương đẹp lòng người là Ôn, khiến người lia ái nhiễm là Nhã*”.

Lại vì mùi hương có đủ vạn đức nên khiến ai ngửi phải cũng “*trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi*” (Trần lao, cấu tập tự nhiên chẳng khởi). “*Trần lao*” (塵勞) là tên gọi khác của phiền não, đã giải thích chi tiết trong phần trước. “*Cấu tập*” là tập khí phiền não. “*Cấu*” (垢) là phiền não cấu uế, “*tập*” (習) là tập tánh, thói quen. Trần lao cấu tập làm ô nhiễm tâm tánh, sai khiến chúng sanh. Nay do được đức hương xông thấu nên những thứ cấu nhiễm ấy chẳng khởi. Như vậy, mùi hương cũng làm Phật sự.

Kế đó, kinh nói đến diệu dụng của gió khi gió chạm vào thân. Đức phong thổi chạm vào thân thì nhiên an vui, hài hòa, tâm điều thuận, ý vui thích, nên bảo là “*an hòa điều thích*”. Niềm vui ấy hết như niềm vui của tỳ-kheo chứng đắc Diệt Tận Định.

“*Diệt Tận Định*” còn gọi là Diệt Tận tam-muội, là môn Thiên Định diệt hết sáu thức, tâm, tâm sở; phải là bậc thánh giả từ quả Bất Hoàn (A Na Hàm) trở lên mới chứng nhập được Định này. Như vậy, diệu dụng này của gió cũng chính là kết quả của lời nguyện “*vui như lậu tận*”.

Đoạn kinh tiếp theo đây sẽ nói đến gió thổi các loại hoa tụ lại phôi bày màu sắc màu nhiệm; hoa bay như mưa nên bảo là “*hoa vũ*” (mưa hoa). Đoạn kinh dưới đây trần thuật công đức của mưa hoa.

Chánh kinh:

復吹七寶林樹，飄華成聚。種種色光，徧滿佛土。隨色次第，而不雜亂。柔軟光潔，如兜羅綿。足履其上，沒深四指。隨足舉已，還復如初。過食

時後，其華自沒。大地清淨，更雨新華。隨其時節，還復周徧。與前無異，如是六反。

Phục xuy thất bảo lâm thụ, phiêu hoa thành tụ, chủng chủng sắc quang, biến mãn Phật độ. Tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn. Nhu nhuyễn quang khiết, như Đâu La Miên, túc lý kỳ thượng, một thâm tứ chỉ. Tùy túc cử dĩ, hoàn phục như sơ. Quá thực thời hậu, kỳ hoa tự một. Đại địa thanh tịnh, cánh vũ tân hoa. Tùy kỳ thời tiết, hoàn phục châu biến, dĩ tiền vô dị, như thị lục phản.

Lại thổi qua rừng cây bảy báu, cuốn hoa tụ lại thành vàng, các thứ quang sắc đầy ấp cõi Phật. Hoa lần lượt tụ lại theo từng màu riêng biệt chẳng tạp loạn, mềm mại, sáng, sạch như Đâu La Miên. Chân đạp lên trên, hoa lún xuống sâu bốn ngón. Hễ giở chân lên, hoa trở lại như cũ. Quá khỏi giờ ăn, hoa ấy tự biến mất, đại địa thanh tịnh, lại mưa hoa mới. Tùy theo thời tiết, tuần hoàn trọn khắp như trên chẳng khác. Mưa sáu lần như thế.

Giải:

Gió đức trong cõi ấy lại có các diệu dụng như sau: Trước hết là gió thổi động các vật phát ra âm thanh diễn thuyết diệu pháp; kế đó là gió đưa hương, ai ngửi thấy liền được thanh tịnh; ba là gió đức thổi chạm vào thân liền cảm thấy vui thú như đấng Diệt Tận Định; bốn là gió thổi cuốn hoa rơi đầy cõi nước. Gió thổi qua những cây báu cuốn hoa tự nhiên tụ lại thành từng loại theo màu sắc, ánh sáng riêng biệt xanh, vàng, đỏ, trắng, trọn khắp cõi nước.

Vì thế kinh chép: “*Phiêu hoa thành tụ, chủng chủng sắc quang biến mãn Phật độ. Tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn*” (Cuốn hoa tụ lại thành vàng, các thứ quang sắc đầy ấp cõi nước. Hoa lần lượt tụ lại theo từng màu riêng biệt chẳng tạp loạn). Bản Ngô dịch ghi như sau: “*Xuy thất bảo thụ, giai tác ngữ âm thanh. Dĩ thất bảo thụ hoa tất phú kỳ quốc trung, giai tán Phật cập chư Bồ Tát, A La Hán thượng*” (Thổi qua cây bảy báu vang ra tiếng ngữ âm; khiến cho hoa của cây bảy báu rải khắp cõi nước, đều rải trên Phật và chư Bồ Tát, A La Hán). Hoa của các cây báu theo gió thổi bay vờn trên không cúng dường thánh chúng như trời đổ mưa hoa phủ khắp cõi Phật. Vãng Sanh Luận bảo hoa báu phủ đất có hai điều thù thắng:

1. Một là diệu sắc thù thắng (màu sắc vi diệu thù thắng), gió thổi hoa theo thứ lớp, tụ lại thành từng loại. Hoa xanh, vàng, đỏ, trắng đều tụ

lại theo đúng màu của chúng. Vì thế kinh nói: “*Tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn*” (theo từng màu riêng biệt chẳng tạp loạn). Hoa báu phủ đất như tranh vẽ, như gấm thêu: “*Chủng chủng quang sắc, biến mãn Phật độ*” (Các thứ quang sắc đầy ắp cõi Phật). Đây là diệu sắc thù thắng.

2. Hai là diệu xúc thù thắng (đụng chạm vào tạo cảm giác vi diệu thù thắng). Kinh dạy: “*Nhu nhuyễn quang khiết*”. Chữ “*quang*” chỉ các thứ quang sắc vô lượng như đoạn trên đã nói. “*Khiết*” (潔) nghĩa là thể chất của hoa thanh tịnh. “*Nhu nhuyễn*” (mềm mại) chính là cảm giác thù thắng khi đụng chạm vào hoa. “*Đâu La Miên*” (Tūla) là tiếng Phạn, ngài Đạo Tuyên luật sư bảo: “*Là sợi tơ từ hoa của các loài thảo mộc, là tơ lấy từ các loài hoa như hoa bồ đài, bông liễu, hoa bạch dương, hoa bạch điệp v.v... [Chữ Đâu La Miên] được dùng với ý nghĩa mịn nhỏ*”. “*Lý*” (履) là đạp lên. “*Một*” (沒) là chìm xuống. Chân giẫm lên hoa cảm thấy mềm mịn như đạp lên Đâu La Miên; chân lún vào trong hoa sâu chừng bốn ngón. Giở chân lên, hoa lại bằng phẳng như cũ nên kinh bảo: “*Tùy túc cử dĩ, hoàn phục như sơ*” (Hễ giở chân lên, trở lại như cũ).

Tiếp đó, hoa rơi sáu lần trong một ngày; điều này cũng giống như kinh A Di Đà dạy: “*Trú dạ lục thời, vũ Mạn Đà La hoa*” (Ngày đêm sáu thời trời mưa hoa Mạn Đà La). Sáu thời là buổi sáng, chính ngọ, lúc mặt trời lặn, lúc đầu đêm, lúc giữa đêm, lúc cuối đêm.

Buổi sáng mưa hoa, “*quá thực thời hậu, kỳ hoa tự một. Đại địa thanh tịnh, cánh vũ tân hoa*” (quá khỏi giờ ăn, hoa ấy tự nhiên biến mất; đại địa thanh tịnh, lại mưa hoa mới). Chữ “*thực thời*” chỉ lúc ăn cơm, tức là lúc chính ngọ vậy. Kinh Sa Di Thập Giới Nghi Tắc nói: “*Nhược thọ trai thực thời, bất đắc quá Ngọ trung*” (Như lúc thọ trai thì chẳng được ăn quá giờ Ngọ). Như vậy, câu kinh trong kinh Vô Lượng Thọ đây ngụ ý: Vào lúc giữa trưa, hoa được rải vào buổi sáng sẽ tự nhiên biến mất, đại địa thanh tịnh như cũ. Ngay khi đó, trên không lại mưa xuống hoa mới. Suốt cả sáu thời như thế: Hoa tuôn xuống, hoa biến mất đi, tuần hoàn như vậy nên kinh bảo: “*Tùy kỳ thời tiết, hoàn phục châu biến*” (tùy theo thời tiết tuần hoàn trọn khắp). “*Hoàn phục*” (還復) có nghĩa là lần lượt xoay vòng, trở lại từ đầu. “*Châu biến*” (周遍) là đầy khắp cả cõi nước. “*Dữ tiền vô dị, như thị lục phản*” (Sáu lượt như thế giống như trên không khác): “*Lục phản*” là sáu lượt, giống như chữ “*lục thời vũ hoa*” (sáu thời mưa hoa) trong kinh Tiểu Bản.

Nhưng “ngày đêm” trong cõi Cực Lạc cũng chỉ là thuận theo tập tục cõi này mà nói. Sách Yếu Giải giảng: “Y báo và chánh báo cõi ấy đều có quang minh; chẳng cần nhờ đến mặt trời, mặt trăng để phân định là ngày hay đêm. Chỉ là thuận theo phương này (tức cõi Sa Bà) nên mới giả nói có sự phân chia giờ khắc như thế”. Sách Số Sao giảng thêm: “Cõi ấy đã chẳng có Tu Di mà cũng chẳng có mặt trời, mặt trăng, luôn sáng sủa, không tối tăm, nên chẳng phân biệt là ngày hay đêm. Chỉ lấy hoa nở, chim hót là ngày; hoa khép lại, chim đậu lại là đêm”. Ngài Từ Ân cũng viết trong sách Di Đà Thông Tán rằng: “Ao vàng hoa nở, người hóa sanh nghĩ là lúc ban ngày. Chim đậu rùng quỳnh, Bồ Tát nghĩ là trời đã tối”. Các thuyết khác cũng nói như vậy.

Riêng sách Viên Trung Sao lại còn giải thích ở một mức độ cao hơn như sau: “Trộm nghĩ: Việc lấy hoa nở, chim hót làm ban ngày; coi lúc chim đậu, hoa khép là đêm chỉ là khi phận của cõi Phạm Thánh Đông Cư, còn chưa quên được những điều thuộc uế độ đáng lẽ phải nên quên đi. [Áy là vì] chúng sanh vãng sanh đa số là kẻ mang nghiệp đi vãng sanh. Còn trong ba cõi trên, ắt chẳng hề có tướng trạng như vậy”.